

Số: 1636 /BC - TCS

Cẩm Phả, ngày 25 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

I. THÔNG TIN CHUNG

1/ Thông tin khái quát.

Tên tổ chức phát hành: **Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin**

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin

Giấy chứng nhận ĐKKD: 5700101002 cấp ngày 02/1/2007. Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 02/11/2018.

Vốn điều lệ: 324.961.050.000 đồng; Mã cổ phiếu : TC6

Địa chỉ: Phường Cẩm Phú - Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.3862062. Fax: 0203.3863936. Website:Cocsau.com

Vùng than Cọc Sáu trước ngày Chính phủ ta tiếp quản (25/04/1955) là một công trường khai thác than thủ công thuộc mỏ than Cẩm Phả. Sau khi tiếp quản được đặt tên là công trường Cọc Sáu thuộc xí nghiệp than Cẩm Phả. Khai thác than chủ yếu bằng thủ công mai, cuốc, xà beng... ở phía Tây và phía Bắc. Công trường Cọc Sáu ngày tiếp quản có 02 công trường như công trường Tả Hữu Ngạn và công trường Y.

Đến năm 1957 thành lập thêm công trường H

Đến năm 1958 thành lập tiếp công trường Bắc Phi (Bắc Cọc Sáu)

Đến năm 1959 thành lập công trường Thăng Lợi

Đến đầu năm 1960, công trường Cọc Sáu đã có tổng số 1811 người (1283 nam và 528 nữ), trong đó có 442 người Hoa, 184 Đảng viên, 230 đoàn viên thanh niên.

Tháng 3 năm 1960, Chính phủ có quyết định giải thể xí nghiệp quốc doanh than Cẩm Phả, thành lập Công ty Than Hòn Gai. Thực hiện quyết định số 707 BCN-KB2 của Thủ tướng Chính phủ thành lập xí nghiệp Than Cọc Sáu từ ngày 01/08/1960 (gọi tắt là mỏ Cọc Sáu), là xí nghiệp khai thác than lộ thiên trực thuộc Công ty Than Hòn Gai, diện tích đất đai được giao quản lý trên 16km², lực lượng lao động lúc mới thành lập khoảng 2.000 người, trong đó lực lượng nòng cốt gồm bộ đội và thanh niên xung phong chuyển ngành được bổ sung về xây dựng khu mỏ.

Đến năm 1996, xí nghiệp Than Cọc Sáu trở thành đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam theo quyết định số 2600/QĐ-TCCB ngày 17/09/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Việt Nam.

Tháng 9/2001, xí nghiệp Than Cọc Sáu chính thức đổi tên thành Công ty Than Cọc Sáu.

Theo quyết định số 487/QĐ-HĐQT ngày 19/12/2005 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên trong đó có Công ty Than Cọc Sáu. Công ty Than Cọc Sáu đã thực hiện triển khai đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước từ ngày 01/01/2007 và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51%. Kể từ ngày 02/01/2007 với tên gọi mới là "Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - TKV" theo giấy phép kinh doanh số 2203000745 do

sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp với mức vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng. Từ ngày 28/4/2011 Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin với mã số doanh nghiệp 5700101002. Từ ngày 12/10/2011 Công ty tăng vốn điều lệ là 129.986.940.000 đồng.

Từ ngày 17/8/2016 đến nay đổi tên thành công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin với mã số doanh nghiệp 5700101002. Từ ngày 12/10/2011 Công ty tăng vốn điều lệ là 324.961.050.000 đồng.

2/ Ngành nghề kinh doanh :

- Khai thác, chế biến kinh doanh than và các loại khoáng sản khác;
- Xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, dân dụng và san lấp mặt bằng;
- Chế tạo, sửa chữa, gia công các thiết bị mỏ, phương tiện vận tải, các sản phẩm cơ khí;
- Vận tải đường thủy, đường bộ, đường sắt; Sản xuất các mặt hàng bằng cao su;
- Quản lý, khai thác cảng và bến thủy nội địa; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Nuôi trồng thủy sản; Kinh doanh, dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, hàng hóa.

3/ Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

Mô hình quản trị:

- + Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên.
- + Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.
- + Ban Giám đốc, điều hành 06 người gồm 01 giám đốc, 04 phó giám đốc, 01 kế toán trưởng
- + Các Công trường, phân xưởng, phòng ban:
 - Cơ cấu bộ máy quản lý các phòng ban:

01 - Văn phòng	9 - Phòng điều khiển sản xuất
02 - Phòng kỹ thuật khai thác	10 - Phòng Tổ chức - LDYT
03 - Phòng Kỹ thuật vận tải	11 - Khối dân đảng
04 - Phòng Giám định chất lượng	12 - Phòng Kế toán - thống kê - tài chính
05 - Phòng An toàn	13 - Phòng Thanh tra Bảo vệ - Kiểm toán
6 - Phòng Cơ điện	14- Phòng Quản lý vật tư
7 - Phòng Kế hoạch	15- Phòng Đầu tư Môi trường
8 - Phòng Trắc địa địa chất	

- Các công trường, Phân xưởng:

01- Công trường Khoan	9- Phân xưởng vận tải ô tô 7
02- Công trường Xúc tả ngạn	10- Phân xưởng cơ điện
03- Công trường Xúc thắng lợi	11- Phân xưởng Sửa chữa
04- Phân xưởng vận tải ô tô 1	12- Công trường Gạt làm đường
05- Phân xưởng vận tải ô tô 2	13- Phân xưởng Trạm mạng
06- Phân xưởng vận tải ô tô 3	14- Công trường Băng sàng
07- Phân xưởng vận tải ô tô 5	15- Công trường Than 2
08- Phân xưởng vận tải ô tô 6	

4/ Định hướng phát triển :

Trên cơ sở kế hoạch SXKD của từng năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT đề ra phương hướng nhiệm vụ cụ thể như sau: Phần đầu xây dựng công ty trở

thành một công ty có trình độ khai thác mỏ hàng đầu của Tập đoàn - Vinacomin với công nghệ khai thác hiện đại, tiên tiến, đạt tiêu chuẩn trong khu vực. Làm tốt công tác bảo vệ môi trường và phấn đấu xây dựng Công ty Cổ Phần Than Cọc Sáu - Vinacomin xanh, sạch, đẹp và thân thiện với môi trường để phát triển bền vững. Tập trung đẩy mạnh sản xuất ngay từ đầu năm theo kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh của Công ty với Tập đoàn, cân đối năng lực thiết bị và lao động để xây dựng phương án và thực hiện kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tháng, quý nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất và hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018. Tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi trong những tháng đầu năm tăng cường bóc xúc, mở diện khai thác đồng thời tập trung tối đa phục vụ công tác hạ moong đảm bảo sản lượng và tiến độ theo kế hoạch đặt ra.. Sử dụng vốn của các đối tác bằng cách thuê tài chính, thuê hoạt động, đa dạng hóa các nguồn vốn.

5/ Các rủi ro :

Năm 2018, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong khai thác mỏ đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Thời tiết diễn biến bất thường (trong năm có 134 ngày mưa vũ lượng 2.517 mm); điều kiện khai thác tiếp tục xuống sâu, tài nguyên khó khăn, bờ mỏ phía Bắc không ổn định; độ cao nâng tải và cung độ vận chuyển lớn; thiết bị vận tải một số thời điểm còn thiếu cục bộ; công tác quản lý, các cơ chế chính sách của Nhà nước có sự thay đổi đối với ngành Than; thuế phí tăng cao, làm tăng giá thành sản xuất của Công ty.

Đứng trước khó khăn và thử thách trên, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ; sự chỉ đạo, quản lý, điều hành của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc cùng với sự đồng thuận của các tổ chức đoàn thể. Công ty đã đoàn kết, chung sức vượt qua khó khăn, thực hiện hoàn thành toàn diện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 theo kế hoạch điều chỉnh, bảo toàn và phát triển vốn.

II. TÌNH HÌNH SXKD TRONG NĂM

1/ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2018				
			KH ĐẦU NĂM	KHĐC	THỰC HIỆN	TỶ LỆ % SO VỚI	
						KHĐN	KHĐC
1	Đất đá bóc xúc	M ³	19.500.000	20.500.000	20.285.775	104,0	99,0
2	Than sản xuất	Tấn	2.300.000	2.440.000	2.605.986	113,3	106,8
-	Than NK khai thác	Tấn	1.500.000	1.500.000	1.500.118	100,0	100,0
-	Than sạch từ SPNT	Tấn	800.000	940.000	1.105.868	138,2	117,6
3	Hệ số bóc	M ³ /T	13,00	13,67	13,52	104,0	98,9
4	Than tiêu thụ	Tấn	2.282.000	2.520.000	2.616.572	114,7	103,8
5	Doanh thu tổng số	Tr.đ	2.661.541	3.036.274	3.059.054	114,9	100,75
6	Giá trị đầu tư	Tr.đ	148.220	179.994	107.295	72,38	59,61
7	Tiền lương bq	1000đ/ng/th	7.514	7.514	9.009	119,9	119,9
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	26.052	26.052	51.657	198,3	198,3
9	Trả cổ tức	% năm/CP	3	3	5	166,6	166,6

2/ Tổ chức và nhân sự.

2.1/ Danh sách ban điều hành

*** Ông: PHẠM HỒNG TÀI - CHỦ TỊCH HĐQT**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 16 tháng 4 năm 1959
- Nơi sinh: Đồng Phú - Đông Hưng - Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đồng Phú - Đông Hưng - Thái Bình
- Số chứng minh thư nhân dân: 100999318
- Địa chỉ thường trú: Tổ 3 - Khu 8 - Hồng Hải Hạ Long - Quảng Ninh
- Điện thoại liên lạc: 0913267920
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 7.662 cổ phần

*** Ông : NGUYỄN VĂN THUẬN - UVHĐQT - GIÁM ĐỐC**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 16 tháng 3 năm 1970
- Nơi sinh: Dạ Trạch - Châu Giang - Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Dạ Trạch - Châu Giang - Hưng Yên
- Số chứng minh thư nhân dân : 100999256
- Địa chỉ thường trú: Tổ 32 - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: KS Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 1.392 cổ phần

*** Ông : VŨ VĂN KHẨN - UVHĐQT**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 16 tháng 8 năm 1968
- Nơi sinh: Tân Phong - Vũ Thư - Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tân Phong - Vũ Thư - Thái Bình
- Số chứng minh thư nhân dân : 034068001414 cấp ngày 27/9/2015
- Địa chỉ thường trú: Tổ 4 - Cẩm Thủy - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 1.740 cổ phần

*** Ông : ĐINH THÁI BÌNH - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 11 tháng 06 năm 1976
- Nơi sinh: Cẩm phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh 022076000154
- Địa chỉ thường trú: Tổ 3 – Khu Cao Sơn 2 - Cẩm Sơn - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Điện thoại liên lạc: 0974.191.996
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác

- Số cổ phần TC6 sở hữu: 580 cổ phần

* Ông : NGUYỄN TẤN LONG - UVHĐQT - PHÓ GIÁM ĐỐC

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: Ngày 08 tháng 11 năm 1967

- Nơi sinh: Bảo Xuyên - Vụ Bản - Nam Định

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Bảo Xuyên - Vụ Bản - Nam Định

- Số chứng minh thư nhân dân : 100 544 976

- Địa chỉ thường trú: Tổ 107A - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh

- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí ô tô

- Số cổ phần TC6 sở hữu: 2.437 cổ phần

* Ông : TRẦN SƠN HÀ - PHÓ GIÁM ĐỐC

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: Ngày 01 tháng 10 năm 1969

- Nơi sinh: Cửa ông - Cẩm Phả - Quảng Ninh

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Hải Trung - Hải Hậu - Nam Hà

- Số chứng minh thư nhân dân : 100449595

- Địa chỉ thường trú: Tổ 31A - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh

- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác

- Số cổ phần TC6 sở hữu: 1.507 cổ phần

* Ông : VŨ VĂN HÙNG - PHÓ GIÁM ĐỐC

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: Ngày 06 tháng 1 năm 1961

- Nơi sinh: Cẩm Phả - Quảng Ninh

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Quang Sơn Phú Xuyên Ninh Bình

- Số chứng minh thư nhân dân : 100710815

- Địa chỉ thường trú: Tổ 47 Cẩm Thành Cẩm Phả Quảng Ninh

- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế

- Số cổ phần TC6 sở hữu: 2.785 cổ phần

* Ông : NGUYỄN HỮU TRƯỜNG - KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: Ngày 14 tháng 10 năm 1964

- Nơi sinh: Tân Phong - Kiến Thụy - Hải Phòng

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Tân Phong - Kiến Thụy - Hải Phòng

- Số chứng minh thư nhân dân : 100983992 cấp ngày 13/1/2013

- Địa chỉ thường trú: Tổ 63 - Cẩm Trung - Cẩm Phả - Quảng Ninh.

- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế mỏ

- Số cổ phần TC6 sở hữu: 2.437 cổ phần



2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

Trong năm 2018 Công ty đã có sự thay đổi nhân sự ban điều hành:

- Quyết định số 176/QĐ-TCS ngày 25/10/2018 của HĐQT về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Thuấn - UVHĐQT, Phó giám đốc Công ty giữ chức vụ quyền Giám đốc Công ty từ ngày 25/10/2018.
- Quyết định số 170/QĐ-TCS ngày 25/10/2018 của HĐQT về việc thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty, Ông Vũ Văn Khẩn - UVHĐQT - Giám đốc Công ty thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty.
- Quyết định số 113/QĐ-TCS ngày 15/8/2018 của HĐQT về việc bố trí ông Lê Văn Giá, Phó Giám đốc Công ty được nghỉ hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/9/2018.
- Quyết định số 219/QĐ-TCS ngày 14/12/2018 của HĐQT Bổ nhiệm ông Đinh Thái Bình – Trưởng phòng Kỹ thuật khai thác giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 14/12/2018.

2.3. Số lượng cán bộ công nhân viên

Số lượng CBCNV có đến ngày 31/12/2018 là 2.465 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Công ty lập, thẩm định, phê duyệt các dự án theo quy định của Nhà Nước ban hành, Không có dự án chậm tiến độ, điều chỉnh trong kỳ hoặc vi phạm về quản lý chất lượng, thất thoát, lãng phí. Giá trị thực hiện đầu tư năm 2018: 107.295 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2017
1	Tổng giá trị tài sản	1.942.354.201.053	1.866.437.044.648
2	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	3.054.011.427.369	2.524.392.130.726
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	49.002.084.205	51.628.882.281
4	Lợi nhuận khác	2.654.750.306	-1.319.177.285
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.656.834.511	50.309.704.996
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41.313.131.609	36.506.678.662

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	0,77	0,69
2	Hệ số nợ phải trả/ vốn CSH	4,22	4,08
3	Vòng quay vốn lưu động	4,79	4,30
4	Vòng quay hàng tồn kho	7,36	6,28
5	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	12,63	10,02
	+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản (ROA)	2,169	1,956

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần: Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 32.496.105 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần. Tất cả cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông.

b. Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông trong nước: Sở hữu 31.449.030 cổ phần chiếm 96,77 %; Với:

+ Cổ đông tổ chức sở hữu 20.075.800 cổ phần chiếm 61,78%;

+ Cổ đông cá nhân sở hữu 11.373.230 cổ phần chiếm 34,99%.

Cổ đông nước ngoài: Sở hữu 1.017.075 cổ phần chiếm 3,23%. Với:

+ Cổ đông tổ chức sở hữu 846.950 cổ phần chiếm 2,61%;

+ Cổ đông cá nhân sở hữu 200.125 cổ phần chiếm 0,61%.

Cổ đông lớn: Tập đoàn Vinacomin sở hữu: 19.786.355 cổ phần chiếm 60,88%;

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không;

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không;

e. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1. Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm 431.619 triệu đồng

6.2. Năng lượng tiêu thụ trong năm:

- Nhiên liệu: 555.971 triệu đồng

- Động lực: 54.032 triệu đồng

6.3. Tiêu thụ nước:

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty hợp đồng mua nước với Công ty Nước sạch Quảng Ninh, năm 2018 lượng nước Công ty sử dụng: 29.637 m³

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm công ty đã nộp 38.472 triệu tiền phí và thuế bảo vệ môi trường.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ Luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a/ - Số lượng lao động bình quân trong năm: 2.628 người

- Tiền lương bình quân: 9.009.000 đồng/ người/ tháng.

b/ Chính sách lao động nhằm bảo vệ sức khỏe an toàn và phúc lợi cho người lao động:

- Tổ chức phát động hiệu quả các phong trào thi đua lao động sản xuất hướng về mục tiêu “An toàn - Đổi mới - Hiệu quả - Phát triển”. Trong năm Công ty có nhiều tập thể, cá nhân được

các cấp suy tôn và khen thưởng.

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, các phong trào VHVN-TDĐT; phát huy nội lực, tham gia có hiệu quả các hoạt động văn hoá, thể thao do các cấp tổ chức

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động; duy trì chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, ổn định việc làm cho người lao động, chăm lo các ngày lễ, tết cho CBCN theo quy định.

- Tổ chức tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động; khám sức khỏe định kỳ lần 1 năm 2018 cho toàn bộ CBCN theo quy định; khám lần 2 cho đối tượng nghề

nặng nhọc, độc hại, bệnh nghề nghiệp, cấp dưỡng; tổ chức cho CBCNV sức khỏe yếu được đi nghỉ mát và hỗ trợ điều trị theo quy định của TKV.

- Tham gia tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, các cuộc vận động xã hội từ thiện do các cấp phát động.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

- Nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường và hạn chế thấp nhất các tác động của ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất than tới cộng đồng dân cư. Hằng năm Công ty tổ chức quan trắc môi trường định kỳ theo yêu cầu của báo cáo ĐTM đã được phê duyệt với các chỉ tiêu quan trắc bao gồm: Môi trường không khí, môi trường đất, môi trường nước với tần suất quan trắc 04 lần / năm.

- Theo kết quả của báo cáo quan trắc môi trường định kỳ tại Công ty Cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin đã được Công ty tư vấn về quan trắc thực hiện, cơ bản các chỉ tiêu về môi trường không khí, nước và đất đều đạt kết quả ở ngưỡng cho phép theo QCVN.

- Hằng năm Công ty thường xuyên đầu tư và hỗ trợ Chính quyền địa phương thực hiện các công việc liên quan tới công tác Bảo vệ môi trường, cụ thể: Nạo vét các tuyến mương, suối khu dân cư; Tổng vệ sinh môi trường các tuyến đường khu vực dân sinh; Duy tu bảo dưỡng các tuyến đường liên lạc khu vực dân cư nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị.

- Tổng số tiền dành cho công tác bảo vệ môi trường thường xuyên tại Công ty năm 2018 trên 20 tỷ đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

a. Xử lý nước thải công nghiệp

- Công ty phối hợp chặt chẽ, đôn đốc, giám sát Công ty TNHH 1 TV Môi trường - TKV trong công tác duy trì vận hành hiệu quả trạm xử lý nước thải mỏ than Cọc Sáu đảm bảo chất lượng nước xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận QCVN 40-2011/BTNMT.

- Khối lượng nước đã xử lý cho Công ty CP Than Cọc Sáu năm 2018: 5,665 triệu m³ giá trị xử lý: 12,51 tỷ đồng.

b. Xử lý nước thải sinh hoạt

- Công ty đã ký hợp đồng mua nước của công ty CP nước sạch Quảng ninh- xí nghiệp nước Cẩm phá phục vụ hoạt động sinh hoạt của công ty. Nước thải sinh hoạt được xử lý thông

qua 03 modul trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại 03 nhà ăn trong Công ty.

- Thực hiện quan trắc định kỳ nước thải sau khi xử lý tại 03 trạm xử lý nước thải sinh hoạt. Chất lượng nước thải sau 03 trạm đạt qui chuẩn QCVN: 14-2008/BTNMT (cột B).

c. Xử lý khí thải, bụi

- Công ty tiếp tục tăng cường công tác trung đại tu các thiết bị máy mỏ hạn chế lượng khí thải phát sinh.

- Duy trì vận hành 13 xe trung xa dung tích từ 12-20m³ phục vụ công tác tưới nước dập bụi tại các khu vực khai trường công ty, bãi thải, khu giáp ranh dân cư.

- Tiếp tục vận hành hệ thống lọc bụi túi khu vực ga B, hệ thống chuyển tải than bằng băng tải kín từ +15 moong về khu sàng tuyển.

- Nhằm hạn chế tối đa lượng bụi phát sinh phát tán từ khu vực kho chứa than, Công ty tiếp tục duy tu củng cố hệ thống lưới che chắn bụi khu vực băng sàng.

- Hệ thống phun sương dập bụi tại các hệ thống sàng, cầu chuyển tải than được

duy trì vận hành 03 ca sản xuất. Hiện tại hệ thống đang hoạt động ổn định và đảm bảo hiệu quả đập bụi.

d. Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, chất thải sinh hoạt

- Chất thải rắn công nghiệp: Toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp: sẫm lớp phế liệu, dây cu roa, cao su các loại... được thu gom, lưu trữ tại kho vật tư và chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng qui định. Khối lượng chất thải rắn đã xử lý: 993 tấn.

- Chất thải sinh hoạt: Chất thải sinh hoạt phát sinh tại công ty được thu gom lưu trữ trong các xe đẩy chứa rác thải, chuyển giao cho công ty Môi trường đô thị Cẩm Phả vận chuyển xử lý theo qui định của pháp luật. Khối lượng thuê xử lý dự kiến: 100,5 tấn.

- Chất thải nguy hại: được phân loại, thu gom lưu trữ tại các kho chứa chất thải nguy hại. Chuyển giao cho các đơn vị có đầy đủ chức năng: Công ty TNHH 1 TV Môi trường-TKV, Công ty CPTM Hải đăng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng qui định của pháp luật. Lượng chất thải nguy hại đã thuê xử lý năm 2018: 399,7 tấn. Giá trị xử lý: 2,391 tỷ đồng.

- Chất thải y tế: thuê đơn có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo đúng các qui định của pháp luật. Khối lượng đã thuê xử lý: 346,5kg

e. Quan trắc môi trường định kỳ

- Công ty tổ chức thực hiện đầy đủ chương trình giám sát, quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc dịch động bãi thải (Khe rè, Đông Cao Sơn, đập chắn số 04 Khe rè), quan trắc môi trường nhà điều hành, Trạm y tế công ty theo đúng yêu cầu tại bản báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

- Tần suất quan trắc môi trường định kỳ, dịch động bãi thải: 04 lần/năm.

- Tần suất quan trắc môi trường nhà điều hành, trạm y tế: 02 lần/năm.

- Chi phí thực hiện năm 2018: 1,388 tỷ đồng

f. Trồng cây cải tạo phục hồi môi trường, tạo cảnh quan môi trường

- Tổ chức hưởng ứng tết trồng cây xuân Mậu Tuất năm 2018 tại các đơn vị công trường phân xưởng trong toàn Công ty với tổng số cây đã trồng được: 1.050 cây giá trị thực hiện gần: 21 triệu đồng.

- Phối hợp với UBND TP Cẩm Phả tổ chức Tết trồng cây đầu xuân Mậu Tuất 2018 tại mặt bằng +300 bãi thải Đông Cao Sơn với số lượng cây: 27.050, Tổng số tiền: 794 triệu đồng.

- Trồng cây tăng cường phủ xanh phục hồi môi trường bãi thải Khe Rè mức +110,+180, +205, +130 với tổng cây trồng: 68.500 cây; diện tích: 6,85 ha, và mức +60, +90 bãi thải Đông Cao Sơn trồng: 30.450 cây, diện tích 3,79ha. Tổng số tiền trồng cây bãi thải Đông Cao Sơn và Khe Rè: 2,855 tỷ.

g. Thực hiện nghĩa vụ tài chính trong công tác bảo vệ môi trường

- Công ty thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản lần 10 cho năm 2018 theo quyết định phê duyệt dự án cải tạo phục hồi môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường với giá trị: 2.616.518.000 đồng, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh xác nhận.

- Công ty thực hiện nghiêm và đầy đủ việc kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải Công nghiệp theo hướng dẫn mới nhất về việc kê khai và nộp phí nước thải với tổng số tiền đã nộp quý I, II, III, IV/2018: 4.100.000 đồng.

h. Đảm bảo thoát nước bảo vệ môi trường qua khu dân cư

QUẢNG NINH

- Công ty đã tổ chức phối hợp với Thành phố Cẩm Phả, UBND các phường Cẩm Sơn, Cẩm Phú, Mông Dương triển khai nạo vét các tuyến suối thoát nước qua khu dân cư đảm bảo tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường. Khối lượng đất đá nạo vét: 27.345m³ đất đá.

i. Đảm bảo an toàn khu vực bãi thải Đông Cao Sơn

- Tổ chức duy trì vận hành ổn định và có hiệu quả tuyến đê chắn chân bãi thải Đông Cao Sơn và hệ thống đập số 1,2 khu vực đổ thải H10 Mông Dương đã được đầu tư từ năm 2015 và 2016. Không để xảy ra sự cố trong năm 2018.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Công tác điều hành sản xuất và kỹ thuật công nghệ

Trong năm Công ty đã chỉ đạo, thực hiện tốt các phương án khai thác trọng điểm theo mục tiêu đề ra, đảm bảo nguồn than phục vụ tiêu thụ; hoàn thành toàn diện kế hoạch hạ moong 2017-2018.

- Công tác quản lý kỹ thuật khai thác: Về cơ bản thực hiện tốt theo quy định, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ trong năm cơ bản đạt so với kế hoạch đề ra.

- Công tác điều hành sản xuất: Cơ bản thực hiện theo đúng các quy định, giữ vững kỷ luật điều hành. Trong năm đã triển khai thực hiện các giải pháp điều hành sản xuất hợp lý để tăng thời gian làm việc hữu ích của thiết bị, nâng cao năng suất lao động.

- Tổ chức thi công hoàn thành các công trình thoát nước, PCMB theo đúng kế hoạch, các công trình phát huy hiệu quả. Thực hiện tốt các công việc BVMT thường xuyên theo quy định.

- Cân đối tổ chức sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu thiết bị theo kế hoạch. Đẩy mạnh ứng dụng Tin học hóa, Tự động hóa trong sản xuất kinh doanh; lắp đặt bổ sung các thiết bị công nghệ thông tin tiên tiến để nâng cao hiệu quả quản lý.

- Thực hiện công tác quản lý, mua bán vật tư phục vụ yêu cầu sản xuất theo đúng theo quy định; giá trị vật tư tồn kho trong mức quy định.

- Cân đối, điều chỉnh các dự án đầu tư năm 2018 phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo hiệu quả đầu tư. Trong năm Công ty đã triển khai thực hiện 12 dự án với tổng giá trị đầu tư thực hiện là 107 tỷ 295 triệu đồng, đạt 59,6% kế hoạch (giá trị đầu tư năm 2018 đạt thấp nguyên nhân do hầu hết các dự án đến cuối quý II và tháng 11/2018 mới được Tập đoàn thông qua nội dung).

b. Công tác tổ chức, tái cơ cấu, sử dụng lao động

- Công ty tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung theo Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017-2020. Trong năm đã sắp xếp lại mô hình tổ chức sản xuất ở một số bộ phận, đơn vị để nâng cao hiệu quả quản lý; chuyển Trạm Y tế về trực thuộc Phòng TCLĐ quản lý; hợp nhất phòng Kiểm toán - Thanh tra Pháp chế và phòng BVQS vào phòng TBK. Công ty hiện còn 15 công trường, phân xưởng; 14 phòng quản lý.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động; kết quả năm 2018 Công ty đã giảm được 239 lao động. Tổng số lao động hiện có đến 31/12/2018 là 2.465 người.

- Cân đối, sắp xếp lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả sử dụng lao động. Lao động bình quân năm 2018 đạt: 2.628 người, giảm 42 người so với kế hoạch.

c. Công tác quản trị chi chí, kinh tế tài chính

- Công ty đã kịp thời xây dựng và thực hiện các phương án điều hành sản xuất

kinh doanh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường; hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật theo kế hoạch điều chỉnh năm 2018.

- Thực hiện hiệu quả công tác khoán, quản trị chi phí đến từng bộ phận, đơn vị và từng đầu thiết bị; thực hiện tiết giảm chi phí sản xuất.

- Ban hành tập định mức lao động nội bộ, xây dựng thông số cấp bậc công việc năm 2018. Hoàn thiện phương án sử dụng quỹ tiền lương; điều chỉnh kế hoạch quỹ tiền lương phù hợp với kết quả sản xuất. Trong năm Công ty sử dụng hiệu quả quỹ tiền lương.

- Thực hiện công tác kế toán, thống kê, tài chính theo quy định; nộp đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước: 579 tỷ 129 triệu đồng; bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh.

d. Công tác đời sống, xã hội

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động; chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần và bố trí đủ việc làm cho người lao động.

- Tăng cường thực hiện các biện pháp để cải thiện điều kiện làm việc, chăm sóc sức khỏe, cải thiện chất lượng bữa ăn giữa ca cho người lao động.

- Phát động hiệu quả các phong trào thi đua lao động sản xuất hướng về mục tiêu “An toàn - Đổi mới - Phát triển” và Đợt thi đua 90 ngày đêm sản xuất và tiêu thụ than Quý IV/2018. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, duy trì các phong trào văn hóa, thể thao.

- Tham gia tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, các cuộc vận động xã hội từ thiện do các cấp phát động, với tổng số tiền 910 triệu đồng.

e. Công tác an ninh trật tự; An toàn- VSLĐ

- Công ty tăng cường chỉ đạo và thực hiện nhiều biện pháp trong công tác bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tài sản, tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt các quy chế phối hợp bảo vệ an ninh trật tự với Công an và Chính quyền địa phương trên địa bàn. Tình hình an ninh trật tự trong năm cơ bản ổn định.

- Tập trung chỉ đạo và thực hiện quyết liệt công tác AT-VSLĐ cơ bản đạt được kết quả theo mục tiêu đề ra. Năm 2018, Công ty không xảy ra tai nạn lao động và sự cố thiết bị nghiêm trọng.

2. Tình hình tài chính, quản trị chi phí, quản lý kinh tế

- Công ty đã kịp thời xây dựng và thực hiện các phương án điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thời tiết và tình hình tiêu thụ; hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật theo kế hoạch điều chỉnh năm 2018.

- Thực hiện hiệu quả công tác khoán, quản trị chi phí đến từng bộ phận, đơn vị và từng đầu thiết bị; giảm khối lượng công nghệ phục vụ và công việc phát sinh ngoài kế hoạch nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Ban hành và thực hiện bộ định mức năng suất thiết bị áp dụng trong Công ty; điều chỉnh kế hoạch quỹ tiền lương và đơn giá tiền lương theo kế hoạch điều chỉnh sản lượng năm 2018. Trong năm Công ty sử dụng hiệu quả quỹ tiền lương.

- Thực hiện công tác kế toán, thống kê, tài chính theo quy định; nộp đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước: 650 tỷ đồng; bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu tổ chức bộ máy và lao động theo Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020 với trọng tâm là tinh giản lực lượng lao động phục vụ, phụ trợ; sắp xếp lại tổ chức sản xuất khâu thợ sửa chữa để nâng cao năng suất lao động. Phần đầu năng suất lao động năm 2019 tăng $\geq 5\%$ so với thực hiện năm 2018



- Cân đối thực hiện xã hội hóa một số công việc phục vụ phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty. Triển khai Phương án tái HĐLĐ với một số công nhân thợ sửa chữa thiết bị mỏ đã nghỉ chế độ, nhất là thợ bậc cao.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy định về quản lý nội bộ Công ty phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; phân công rõ nhiệm vụ của đơn vị, phòng ban để nâng cao hiệu quả quản lý. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Người đứng đầu trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Cân đối, tuyển dụng, sắp xếp lao động hợp lý với kế hoạch sản lượng, đảm bảo phục vụ sản xuất, hiệu quả sử dụng lao động. Chú trọng công tác đào tạo để nâng cao trình độ cho CBCN, nhất là bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân kỹ thuật các lĩnh vực.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực.

Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác.

Đầu tư thăm dò trữ lượng tài nguyên.

5. Giải trình của Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Không có ý kiến của Kiểm toán.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2018, Công ty hoạt động hiệu quả, đúng pháp luật. Ban điều hành sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm đã tạo ra những bước đột phá mới trong quản lý, điều hành đạt năng suất lao động, năng suất thiết bị, tiết kiệm chi phí, thu nhập người lao động tăng cao. Tư tưởng cán bộ CNVC - LĐ ổn định và đã chuyển biến rõ rệt theo chiều hướng tích cực. Đội ngũ cán bộ quản lý đã thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm và chủ động thực hiện, phối hợp thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao trong quản lý và điều hành. Công nhân lao động đã nâng cao ý thức trách nhiệm, tận dụng tối đa thời gian làm việc để nâng cao giờ hoạt làm ra sản phẩm. Những kết quả nêu trên của Tập thể CBCNVC - LĐ Công ty đã góp phần quan trọng đưa Công ty vượt qua khó khăn hoàn thành Kế hoạch SXKD. Năm 2018 Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.

Bộ máy điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết, Quyết định ban hành, ý kiến chỉ đạo của HĐQT, đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty. Bộ máy điều hành Công ty đã thắt chặt công tác quản lý, quản trị chi phí, điều hành sản xuất linh hoạt, vượt qua nhiều khó khăn điều kiện khai thác. Điều hành sản xuất kinh doanh an toàn, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018 với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 51,6 tỷ đồng, đảm bảo thu nhập cho người lao động cao hơn năm 2017.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với cơ quan Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh Công ty chỉ đạo tốt các đơn vị, người lao động trong Công ty sản xuất hiệu quả, đảm bảo phát triển Công ty ổn định, bền vững.

3. Các kế hoạch và định hướng của HĐQT.

Năm 2019 được dự báo là năm còn nhiều khó khăn, thách thức. Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông. Hội đồng quản trị cần tập trung chỉ đạo, giải quyết một số nội dung trọng tâm sau:

1. Chỉ đạo, điều hành các phương án tổ chức sản xuất kinh doanh đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

2. Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu của Công ty đảm bảo số đầu mỗi đơn vị, phòng ban theo Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020; thực hiện tái cơ cấu lao động theo hướng tinh giảm; cân đối sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực. Triển khai phương án xã hội hóa, thuê ngoài thực hiện một số dịch vụ phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

3. Rà soát, bổ sung, ban hành các quy chế quản trị của Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước và Tập đoàn TKV để đảm bảo cho bộ máy quản lý, điều hành của Công ty linh hoạt, hiệu quả.

4. Chỉ đạo quản trị chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ; triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức sản xuất hợp lý để tăng thời gian làm việc hữu ích của thiết bị, tăng năng suất lao động. Tăng cường chỉ đạo, thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí để giảm giá thành sản xuất.

5. Cân đối, tổ chức thực hiện hiệu quả các dự án đầu tư năm 2019; triển khai thực hiện cụm dân cư 10/10.

6. Quản trị và điều hành hoạt động của Công ty đạt hiệu quả, đảm bảo an toàn tài chính; giữ vững công tác an toàn, an ninh trật tự.

7. Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư, cổ đông của Công ty; đồng thời chăm lo và cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần của người lao động

8. Phối hợp chặt chẽ giữa bộ máy điều hành, Ban kiểm soát, với các tổ chức chính trị trong Công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình SXKD.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY,

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên, cơ cấu

- | | |
|-------------------------|---|
| 1. Ông Phạm Hồng Tài | Chủ tịch HĐQT; |
| 2. Ông Vũ Văn Khản | Thành viên HĐQT; |
| 3. Ông Nguyễn Văn Thuận | Thành viên HĐQT, Quyền Giám đốc Công ty; |
| 4. Ông Nguyễn Tấn Long | Thành viên HĐQT, Phó GD Công ty; |
| 5. Ông Trần Đức Kha | Thành viên HĐQT, Phó bí thư đảng ủy Công ty |

Các thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, HĐQT đã vận dụng linh hoạt các hình thức được quy định trong luật doanh nghiệp và trong điều lệ Công ty, quyết định kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty được thông suốt.

HĐQT đã thống nhất Nghị quyết mô hình tổ chức sản xuất tổ chức bộ máy điều hành Công ty với quy mô hợp lý, phát huy được sự chủ động sáng tạo và sự liên kết phối hợp giữa các cá nhân và bộ phận.

HĐQT đã ban hành các qui chế, qui định, quyết định phục vụ việc quản lý, điều hành các mặt hoạt động của Công ty.

b. Các tiểu ban

Các phòng ban trong Công ty được giao nhiệm vụ đồng thời là các tiểu ban giúp việc cho HĐQT Công ty, tham mưu giúp HĐQT chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện SXKD đúng luật pháp, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả.

c. Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất khác để nghe các thành viên HĐQT báo cáo tình hình hoạt động SXKD của Công ty và thảo luận để kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty, các thành viên HĐQT Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, minh bạch, vì lợi ích của các cổ đông và của Công ty.

- Năm 2018 HĐQT Công ty đã họp 46 phiên qua hình thức họp trực tiếp và họp gián tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản; ban hành 247 văn bản theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty (trong đó gồm 113 Nghị quyết và 134 quyết định, văn bản khác). HĐQT thực hiện nghiêm công tác quản trị, giám sát bộ máy điều hành Công ty nhằm triển khai thực hiện đúng nghị quyết, quyết định ban hành của HĐQT.

- Thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ; tổ chức công bố thông tin theo đúng quy định đảm bảo công khai, minh bạch.

d. Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập

Trong HĐQT có 03 thành viên không tham gia điều hành sản xuất, các thành viên tham gia đầy đủ các phiên họp và được giao nhiệm vụ theo các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn của mỗi người, cả 3 thành viên HĐQT độc lập đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao.

e. Ban Kiểm soát

+ Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin gồm 03 thành viên và hoạt động kiểm nhiệm.

- | | |
|--------------------------|---------------|
| 1- Ông Nguyễn Văn Hùng | - Trưởng ban; |
| 2- Bà Nguyễn Thị Mai Anh | - Ủy viên; |
| 3- Bà Vũ Thiện Thành | - Ủy viên. |

Ban kiểm soát của Công ty thường xuyên giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty thông qua việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết các kỳ họp của HĐQT, các quy chế, qui định do HĐQT ban hành.

Giám sát hoạt động của Giám đốc điều hành thông qua việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT, các nghị quyết của Giám đốc trong lĩnh vực thuộc quyền hạn của Giám đốc được qui định trong điều lệ của Công ty.

2/ Thu nhập của các ủy viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty

STT	Chức danh	Tiền lương	Thù lao
1	Hội đồng quản trị và viên chức quản lý	2.720.560.000	263.160.000
2	Ban kiểm soát	395.760.000	96.000.000
	Tổng cộng	3.116.320.000	359.160.000

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của Kiểm toán:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2-C
V
N
SÁU
MIN
QUẢN

Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam. Công ty đã đăng báo, gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Website của Công ty đăng tải báo cáo tài chính là: www.Cocsau.com

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCCKHN;
- Lưu: VT, KTTK.(Ng.H)

GIÁM ĐỐC
Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thuận

